

KẾ HOẠCH
Kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Quyết định số 1826/QĐ-BNN-KL ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc ban hành Kế hoạch Kiểm kê rừng tại các tỉnh vùng Tây Nguyên (điều chỉnh tại Quyết định số 831/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025); Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau⁽¹⁾:

I. SỰ CẦN THIẾT

Thực hiện quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017 về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc tổ chức điều tra, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng (điểm đ khoản 1 Điều 102); chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc tổ chức kiểm kê rừng tại các tỉnh vùng Tây Nguyên (trong đó có tỉnh Kon Tum cũ), nhằm xác định rõ ràng, cụ thể diện tích rừng (theo chủ quản lý và hiện trạng), diện tích rừng bị chồng lấn, tranh chấp về chủ quản lý, rừng nghèo kiệt phân bố manh mún trong vùng quy hoạch bố trí dân di cư tự do, nhằm tạo thêm quỹ đất để triển khai cơ chế, chính sách về bố trí, ổn định dân cư, đặc biệt là chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo; trên cơ sở đó, tỉnh Kon Tum cũ đã ban hành Kế hoạch số 2278/KH-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2024 để triển khai thực hiện kiểm kê rừng; đối với địa giới hành chính tỉnh Quảng Ngãi cũ đã ban hành Kế hoạch số 192/KH-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2024 thực hiện điều tra xác định hiện trạng rừng.

Sau hơn 10 năm thực hiện điều tra, kiểm kê rừng từ năm 2014, hiện nay, nhiều khu vực có hiện trạng không còn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Đồng thời, thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, khi chính quyền địa phương hai cấp chính thức đi vào hoạt động đã đặt ra yêu cầu cấp thiết phải rà soát, chuẩn hóa và đồng bộ lại toàn bộ hệ thống dữ liệu về rừng, đất lâm nghiệp và chủ quản lý rừng để đánh giá đúng thực trạng công tác quản lý hiện trạng rừng trong thời gian qua nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lâm nghiệp theo quy định của Luật Lâm nghiệp; quản lý, sử dụng đất đai đúng quy định của Luật Đất đai, bảo đảm quyền lợi của các tổ chức, công dân theo quy định của pháp luật. Việc tổ chức điều tra, kiểm kê rừng làm cơ sở cho hoạch định quy hoạch, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã

¹ Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 6149/SNNMT-KL ngày 03/6/2026 về việc tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch Kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

hội; gắn kết chặt chẽ với việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển lâm nghiệp bền vững, Nghị quyết về phát triển dược liệu, nông lâm sản gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; hạn chế thấp nhất tình trạng tranh chấp đất đai, lấn chiếm, khiếu nại, khiếu kiện có liên quan trong lĩnh vực lâm nghiệp, do đó việc triển khai sớm nhiệm vụ điều tra, kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh là việc làm cấp thiết.

II. NGUYÊN TẮC, MỤC TIÊU, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Nguyên tắc

a) Việc điều tra, kiểm kê rừng được tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành; bảo đảm tuân thủ nguyên tắc phân cấp, phân quyền, phân định rõ trách nhiệm giữa Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và các chủ rừng, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

b) Kế thừa, sử dụng có chọn lọc các tài liệu, số liệu, sản phẩm điều tra, kiểm kê rừng đã được thực hiện hợp pháp trước thời điểm sáp nhập tỉnh; đồng thời rà soát, chuẩn hóa, thống nhất dữ liệu rừng và đất lâm nghiệp trên phạm vi toàn tỉnh.

c) Việc điều tra, kiểm kê rừng được thực hiện phù hợp với kiểm kê đất đai.

d) Điều tra, kiểm kê rừng được thực hiện đồng bộ, toàn diện nhằm xác định rõ ràng, cụ thể diện tích rừng (theo chủ quản lý và hiện trạng), diện tích rừng bị chồng lấn, tranh chấp về chủ quản lý, rừng nghèo kiệt phân bố mạnh mún trên địa bàn.

đ) Chủ rừng có trách nhiệm thực hiện kiểm kê rừng và chịu sự kiểm tra của cơ quan chuyên ngành về lâm nghiệp cấp tỉnh đối với chủ rừng là tổ chức; hoặc cơ quan chuyên ngành về lâm nghiệp cấp xã đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; kê khai số liệu kiểm kê rừng theo biểu mẫu quy định và chịu trách nhiệm về nội dung kê khai.

e) Ứng dụng khoa học công nghệ trong kiểm kê rừng để đảm bảo tính chính xác, khách quan của kết quả kiểm kê.

g) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện điều tra rừng, kiểm kê rừng tại địa phương.

h) Kết quả kiểm kê rừng được tích hợp vào cơ sở dữ liệu theo dõi diễn biến rừng trung tâm đặt tại Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm (gọi tắt là Dữ liệu trung tâm) làm dữ liệu gốc để thực hiện theo dõi diễn biến rừng hằng năm.

2. Mục tiêu

a) Xác định được toàn diện về hiện trạng diện tích rừng, trữ lượng rừng, trữ lượng các-bon rừng và diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp chưa có rừng gắn với chủ quản lý ở từng địa phương trên địa bàn tỉnh.

b) Đánh giá tình hình biến động diện tích rừng, trữ lượng rừng theo đơn vị hành chính các cấp xã, tỉnh so với số liệu theo dõi diễn biến rừng để giúp cho các cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương tới địa phương trong việc quản lý, sử dụng, phát triển rừng và đất quy hoạch cho lâm nghiệp chưa có rừng một cách hiệu quả, bền vững.

c) Cập nhật, bổ sung, chuẩn hóa và hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên rừng, hồ sơ quản lý rừng, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát về lâm nghiệp, là cơ sở để theo dõi diễn biến rừng và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả của công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

d) Xác định rõ ràng, cụ thể diện tích rừng bị chồng lấn, tranh chấp về chủ quản lý, rừng nghèo kiệt phân bố manh mún trong vùng quy hoạch bố trí dân cư tự do, nhằm tạo thêm quỹ đất để triển khai cơ chế, chính sách về bố trí, ổn định dân cư, đặc biệt là chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo.

3. Phạm vi

Việc điều tra, kiểm kê rừng được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể:

a) Điều tra, kiểm kê diện tích, trữ lượng rừng, trữ lượng các-bon của rừng tự nhiên, rừng trồng thuộc quy hoạch lâm nghiệp và rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp.

b) Điều tra, kiểm kê diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp chưa có rừng.

4. Đối tượng

a) Theo chủ rừng: Chủ rừng theo quy định tại Điều 8 Luật Lâm nghiệp; Ủy ban nhân dân cấp xã (quản lý diện tích rừng và đất chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp chưa giao, chưa cho thuê).

b) Theo mục đích sử dụng: Rừng đặc dụng; rừng phòng hộ; rừng sản xuất; rừng ngoài quy hoạch cho lâm nghiệp (rừng tự nhiên, rừng trồng đã quy hoạch cho mục đích khác hoặc từ trước đến nay không thuộc quy hoạch lâm nghiệp).

III. NỘI DUNG ĐIỀU TRA, KIỂM KÊ RỪNG

1. Điều tra, kiểm kê rừng theo trạng thái

Kiểm kê rừng tự nhiên; kiểm kê rừng trồng; kiểm kê đất quy hoạch cho lâm nghiệp chưa có rừng.

2. Điều tra, kiểm kê theo chủ quản lý

- Chủ quản lý rừng thuộc nhóm I, gồm: Hộ gia đình, cá nhân trong nước; Cộng đồng dân cư được giao rừng, thuê rừng; Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Chủ quản lý rừng thuộc nhóm II, gồm: Ban quản lý rừng đặc dụng; Ban quản lý rừng phòng hộ; Tổ chức kinh tế; Đơn vị vũ trang; Tổ chức khoa học và công nghệ, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp về lâm nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được Nhà nước cho thuê đất để trồng rừng sản xuất.

3. Điều tra, kiểm kê theo mục đích sử dụng

- Điều tra, kiểm kê rừng đặc dụng, bao gồm: Vườn quốc gia, Khu dự trữ thiên nhiên, Khu bảo tồn loài - sinh cảnh, Khu bảo vệ cảnh quan (rừng bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh); rừng tín ngưỡng; rừng bảo vệ môi trường đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao; Khu rừng nghiên cứu thực nghiệm khoa học, vườn thực vật quốc gia và rừng giống quốc gia.

- Điều tra, kiểm kê rừng phòng hộ, bao gồm: Rừng phòng hộ đầu nguồn; rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư; Rừng phòng hộ biên giới; Rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay; rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển.

- Điều tra, kiểm kê rừng sản xuất.

- Điều tra, kiểm kê rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp.

IV. THỜI GIAN, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

Kế hoạch kiểm kê rừng tỉnh Quảng Ngãi thực hiện trong giai đoạn 2026-2027 theo phụ lục đính kèm.

V. DỰ KIẾN KINH PHÍ

- Sử dụng nguồn ngân sách nhà nước, dự kiến tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ điều tra, kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Năm 2026 dự kiến kinh phí thực hiện khoảng 13,520 tỷ đồng, gồm:

+ Chi phí xây dựng đề cương, dự toán;

+ Chi phí điều tra rừng (chi phí thực hiện nhiệm vụ; phí khai thác sử dụng dữ liệu ảnh viễn thám địa giới hành chính tỉnh Quảng Ngãi cũ);

+ Chi phí quản lý dự án của chủ đầu tư;

+ Chi phí thẩm định dự toán.

- Năm 2027 dự kiến kinh phí khoảng 53,603 tỷ đồng, gồm:

+ Chi phí thực hiện nhiệm vụ điều tra, kiểm kê rừng;

+ Chi phí quản lý dự án của chủ đầu tư.

* Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ sẽ được tính toán, xác định cụ thể khi xây dựng dự án, thẩm định và phê duyệt đề cương, dự toán chi tiết theo quy định.

VI. SẢN PHẨM

1. Báo cáo kết quả kiểm kê rừng theo đơn vị hành chính.

2. Hệ thống bản đồ: Bản đồ kết quả kiểm kê rừng cấp xã, tỉnh và chủ rừng nhóm II theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 18 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Hệ thống biểu số liệu: Hệ thống biểu tổng hợp kết quả kiểm kê rừng theo cấp hành chính thực hiện theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 18 Thông

tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4. Hồ sơ quản lý rừng: Hồ sơ quản lý rừng theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan đầu mối chủ trì tham mưu, giúp UBND tỉnh tổ chức thực hiện điều tra, kiểm kê rừng theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 2 Thông tư 19/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025; hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 18 Thông tư 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025; trình cấp có thẩm quyền kiểm tra, nghiệm thu, phê duyệt, công bố kết quả kiểm kê rừng cấp tỉnh, lập hồ sơ quản lý gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng đề cương kỹ thuật, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ điều tra, kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh; xác định cụ thể các hợp phần, hạng mục nhiệm vụ cần ưu tiên triển khai nhằm bảo đảm tiến độ thực hiện, kịp thời giải ngân và sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí, tránh gây lãng phí ngân sách nhà nước.

- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, thẩm định và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu về kiểm kê đất đai; giao đất, cho thuê đất và các bản đồ có liên quan để đơn vị tư vấn tích hợp vào hồ sơ kiểm kê rừng, đảm bảo đồng bộ với kiểm kê đất đai.

- Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và công bố kết quả kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện chế độ báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả điều tra, kiểm kê rừng theo quy định.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường, tổng hợp tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị chức năng tuyên truyền, phổ biến cho các chủ rừng, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có liên quan về nội dung kế hoạch điều tra, kiểm kê rừng.

- Phê duyệt kết quả kiểm kê rừng trên địa bàn; chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, phối hợp thực hiện các nội dung có liên quan tại địa phương.

4. Các đơn vị chủ rừng là tổ chức

- Có trách nhiệm thực hiện kiểm kê rừng trên lâm phần được giao quản lý đảm bảo chất lượng, tiến độ yêu cầu.

- Bố trí nguồn lực để thực hiện điều tra, kiểm kê rừng theo đúng quy định pháp luật và hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Trên đây là Kế hoạch kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh, yêu cầu các đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện, trường hợp gặp khó khăn vướng mắc, đề nghị tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để kịp thời giải quyết; Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 2278/KH-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh Kon Tum cũ và Kế hoạch số 192/KH-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi cũ./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (B/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- Đảng ủy UBND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường và đặc khu;
- Các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp;
- Ban quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng;
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP Tạ Văn Lực;
- Lưu: VT, NNMT.VĐH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Tâm Hiền

Phụ lục

Thời gian, kế hoạch thực hiện kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2027

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số .../KH-UBND ngày ... tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Nội dung	Thời hạn dự kiến hoàn thành	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
I	Phần việc của Bộ Nông nghiệp và MT					
1	Tiếp nhận và giải đoán ảnh vệ tinh	Quý IV/2024 - Quý I/2025	Bộ NN và MT			Đã thực hiện tại tỉnh Kon Tum (trước sắp xếp)
2	Hội nghị tập huấn kỹ thuật	Quý I/2025	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm			
II	Phần việc của địa phương					
1	Xây dựng kế hoạch điều tra, kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Trước ngày 05/6/2026	Sở NN và MT		Kế hoạch	
2	Xây dựng đề cương, dự toán kinh phí điều tra, kiểm kê rừng tỉnh Quảng Ngãi	Trước ngày 10/6/2026	Sở NN và MT	Đơn vị tư vấn	Đề cương dự toán	
3	Phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí điều tra, kiểm kê rừng tỉnh Quảng Ngãi	Trước ngày 20/6/2026	UBND tỉnh		Quyết định phê duyệt	

TT	Nội dung	Thời hạn dự kiến hoàn thành	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
4	Làm thủ tục đấu thầu, lựa chọn nhà thầu thực hiện điều tra, kiểm kê rừng tỉnh Quảng Ngãi	Trước ngày 15/7/2026	Sở NN và MT	Đơn vị tư vấn mời thầu	Quyết định phê duyệt	
5	Tổ chức điều tra, kiểm kê rừng, công bố kết quả					
5.1	Công tác điều tra rừng					
-	Tổ chức hội nghị triển khai điều tra rừng	Trước ngày 20/7/2026	Sở NN và MT	Đơn vị tư vấn, địa phương, chủ rừng	Thông báo kết luận	
-	Tổ chức điều tra rừng (chuẩn bị, tiếp nhận hồ sơ, tài liệu, mua ảnh, lập ô tiêu chuẩn, lấy MKA, giải đoán, kiểm chứng, xây dựng bản đồ, ...)	Tháng 7/2026 – 3/2027	Đơn vị tư vấn	Sở NN và MT, địa phương, chủ rừng	Kết quả giải đoán ảnh, kết quả điều tra ô tiêu chuẩn, mẫu khóa ảnh, ...	Chỉ điều tra MKA, giải đoán ảnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trước sắp xếp
-	Tổng hợp, báo cáo, bàn giao kết quả điều tra rừng	Tháng 4/2027	Đơn vị tư vấn	Sở NN và MT, địa phương, chủ rừng	Báo cáo kết quả hiện trạng rừng, Quyết định phê duyệt kết quả điều tra hiện trạng rừng	
5.2	Công tác kiểm kê					

TT	Nội dung	Thời hạn dự kiến hoàn thành	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
	rừng					
	Tổ chức hội nghị triển khai kiểm kê rừng	Tháng 4/2027	Sở NN và MT	Đơn vị tư vấn, địa phương, chủ rừng	Thông báo kết luận	
	Tổ chức kiểm kê rừng	Tháng 4 – 6/2027	Đơn vị tư vấn	Sở NN và MT, địa phương	Bản đồ hiện trạng kiểm kê rừng, phiếu, biểu, ...	
	Tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm kê rừng	Tháng 7/2027	Đơn vị tư vấn	Sở NN và MT, địa phương, chủ rừng	Báo cáo kết quả hiện trạng rừng, Quyết định phê duyệt kết quả kiểm kê rừng	
5.3	Công tác lập hồ sơ quản lý	Tháng 7/2027	Đơn vị tư vấn	Sở NN và MT, địa phương, chủ rừng	Hồ sơ quản lý rừng	
5.4	Báo cáo kết quả kiểm kê rừng ra Bộ NN và MT	Trước 30/8/2027	UBND tỉnh		Báo cáo	
6	Tổ chức kiểm tra, đôn đốc	Thường xuyên, và theo tiến độ thực hiện của các cấp xã và toàn tỉnh	Tổ công tác chỉ đạo điều tra, kiểm kê rừng của tỉnh Quảng Ngãi			

